

Số: /KH-THCSHL

Điện Biên Phủ, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2025 – 2026

Căn cứ Luật Giáo dục ngày ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2021: Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS;

Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo: Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Số 5636/BGDĐT-GDTrH: V/v xây dựng KHGD các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lí, HĐTN-HN, ngày 10/10/2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 5/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 2269/QĐ-BGD ngày 11/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quyết định Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh: Quyết định Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học; Công văn số 1422/SGDĐT-GDTrH V/v triển khai thực hiện Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số 1924/SGDĐT-GDTrH, ngày 4/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo: Về việc triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

Căn cứ Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường 2020- 2025, tầm nhìn đến 2030: Số 229/KH-THCS HL ngày 8/9/2024, của trường THCS Him Lam. (Kế hoạch điều chỉnh).

Công văn số: 301/UBND-VHXH, ngày 18/8/2025 của UBND Phường Mường Thanh V/v triển khai thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn phường Mường Thanh;

Căn cứ Công văn số 2604/SGDĐT-GDTrH, ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026.

I. ĐẶC ĐIỂM, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục địa phương

1.1 Thời cơ

Trường THCS Him Lam đóng trên địa bàn phường Mường Thanh tỉnh Điện Biên, kinh tế xã hội của địa phương phát triển ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao nên việc đầu tư, chăm lo cho việc học của con em ngày càng được quan tâm.

Trình độ dân trí của địa phương ngày càng được nâng cao nên có sự quan tâm của phụ huynh đối với công tác dạy học, giáo dục của nhà trường.

Giao thông đi lại thuận tiện thuận lợi cho việc đi lại học tập của học sinh.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện chương trình đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp Đảng ủy, chính quyền, các ban ngành đoàn thể phường Mường Thanh, có sự đồng thuận và phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan ban, ngành, tổ chức đoàn thể xã hội, các bậc phụ huynh, các đơn vị kết nghĩa, các trường học đóng trên địa bàn. Đặc biệt Công ty cổ phần Him Lam, Ngân hàng Lộc Phát chi nhánh Điện Biên đã tài trợ tu sửa, xây dựng CSVC trường lớp khang trang đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng.

									Thiếu (-)
1	Hiệu trưởng	01	01	01		01			
2	Phó hiệu trưởng	02	01	02		02			
Tổng số		03	02	03		03			

***Giáo viên:**

TT	Môn học	Giáo viên		Đảng viên	Số giáo viên				Số với nhu cầu			
		T.số	Nữ		Số GV biên chế	Số GV hợp đồng	Trình độ chuyên môn				Thừa	Thiếu
							ThS	ĐH	CĐ	Khác		
1	Toán	11	10	11	11			11				1(T10)
2	Ngữ văn	8	8	7	8			8				1(T11)
3	Khoa học tự nhiên	9	7	9	9		1	8				1
4	Tiếng Anh	5	4	5	5			5				
5	Lịch sử và Địa lý	6	6	5	6			6				
6	Tin học	2	1	0	2			2				
7	GDCD	1	1	1	1			1				
8	Nghệ thuật	2	1	1	2			2				
9	GDTC	2	1	1	2			2				1
10	Công nghệ	2	2	2	2			2				
11	GDĐP	0	0	0	0							
12	HĐTNHN	0	0	0	0							
13	Công tác đội	1	1	1	1			1				1 (T11)
14	GV tâm lí	0	0	0	0							1
15	GV hỗ trợ HS KT	0	0	0	0					1		1
16	Giáo vụ	0	0	0	0					1		1
Tổng số		49	42	43	49	0	1					8

Lưu ý: Tính đến thời điểm tháng 11/2025. (01 giáo viên đi tăng cường phòng Mùong Thanh; 01 tổng phụ trách đội; 01 giáo viên nghỉ hưu)

***Nhân viên:**

TT	Bộ phận	Số lượng	Đảng viên	Số nhân viên			Số với nhu cầu
				Biên	HĐLĐ	Trình độ	

					ché	trên 1 năm	ThS	ĐH	CD	Khác	Thừa	Thiếu
		T.số	Nữ									
1	Kế toán	1	1	1	1			1				
2	Văn thư	0	0		0							1
3	Phục vụ	1	1		0	1			1			
4	- Thư viện - Quản trị trường học	0	0		0							1
5	Thiết bị	1		1	1			1				
6	Y tế	1			1					1		
7	Bảo vệ	2				2				2		
Tổng số		06	02	02	03	03		02	01	03		02

Cơ bản đáp ứng về số lượng giáo viên các môn học.

CB, GV, NV đều có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng động, sáng tạo, tích cực đổi mới, tích cực học tập nâng cao trình độ, có tinh thần hợp tác, trách nhiệm cao. Trình độ CNTT đáp ứng yêu cầu. Được tham gia đầy đủ bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

d) Học sinh

Tổng số học sinh 1158 em/27 lớp, học sinh nhà trường có truyền thống chăm ngoan, hiếu học, tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Đa số học sinh có năng lực, phẩm chất tốt, nhiều học sinh có năng khiếu cá nhân.

2.2 Điểm yếu

a) Nguồn lực

Kinh phí hoạt động hàng năm chủ yếu là từ nhà nước cấp dùng để chi lương cho giáo viên, kinh phí chi khác rất hạn chế nên kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng chương trình GDPT năm 2018 rất hạn hẹp. Đặc biệt sự chuyển giao chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Đội ngũ giáo viên

Tính đến thời điểm tháng 11/2025: Thiếu 04 giáo viên văn hóa; 04 giáo viên công tác đội, hỗ trợ HS khuyết tật, giáo vụ, tư vấn tâm lý. Thiếu 02 nhân viên (thư viện-quản trị trường học và nhân viên văn thư- thủ quỹ)

c) Học sinh

Năng lực tiếp thu không đồng đều. Một số em gia đình khó khăn, thiếu sự quan tâm của phụ huynh đến việc học tập, giáo dục đối với con cái.

Lứa tuổi tâm lí nhiều biến động, dễ kích ứng, dễ nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến vi phạm nội quy học sinh.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng học sinh. Tập trung đầu tư CSVC, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2028; đổi mới mới phương pháp kiểm tra đánh giá; đổi mới quản trị trường học, đẩy mạnh chuyển đổi số và CNTT trong giáo dục; Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục- xóa mù chữ; huy động tối đa trẻ em đến trường đúng độ tuổi; tăng cường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và hướng nghiệp sau tốt nghiệp THCS.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018

Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình; cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày; phân công giáo viên hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học nhà trường. Quan tâm phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, hỗ trợ học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định.

2.2. Phát triển mạng lưới trường lớp

Thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp quy mô lớp học, duy trì tốt sĩ số học sinh, đảm bảo nguyên tắc thuận lợi cho việc học tập của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Cụ thể:

Loại học sinh	Tổng số	Chia ra			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Tổng số lớp	27	6	6	8	7
Tổng số học sinh	1158	269	273	330	286
Trong TS: + Nữ	580	133	139	156	152
+ Dân tộc	200	43	43	61	53
+ Nữ dân tộc	109	26	22	30	31

Duy trì sĩ số học sinh đạt 100% (không tính học sinh chuyển trường, nghỉ do ốm đau).

2.2 Chỉ tiêu kế hoạch chất lượng giáo dục

2.2.1. Kết quả rèn luyện của học sinh

- Kết quả rèn luyện học sinh. Tốt: đạt tỉ lệ 95 % trở lên, Khá: đạt tỉ lệ 4,5 % trở lên, Đạt: đạt tỉ lệ 0,5%, chưa đạt: 0%.

2.2.2 Chất lượng học tập của học sinh

- Kết quả học tập của học sinh: Tốt: đạt tỉ lệ 60% trở lên, Khá: đạt tỉ lệ 20% trở lên, Đạt: đạt tỉ lệ: 19,9%, chưa đạt: 0,1%

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt 99,9% trở lên
- Học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%;
- Chất lượng môn học/ Hoạt động giáo dục/ lớp (*có phụ lục kèm theo*)

2.2.3 Tham gia các cuộc thi cấp trường cấp Tỉnh:

- Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9: cấp trường đạt 100 giải trở lên, cấp tỉnh đạt 75 giải trở lên. (Văn: 11 HS; Toán: 15 HS; T.anh: 15 HS; KHTN: 19 HS; Lịch sử và Địa lí: 10 HS; tin học: 05).

- + Cuộc thi KHKT: cấp trường đạt 02 dự án trở lên, Cấp tỉnh đạt 01 dự án trở lên.
- + Cuộc thi STTTNNĐ: có ít nhất 02 sản phẩm dự thi các cấp.

2.3 Chất lượng đội ngũ

- Duy trì và phân đấu: Cán bộ quản lý đạt 100% và giáo viên đạt 100% đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo; Tỷ lệ giáo viên giỏi đạt 94,6% từ cấp trường trở lên.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 96,4% giáo viên được đánh giá xếp loại viên chức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó CBQL, giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20%; Hoàn thành tốt 76,4%; Hoàn thành 3,6%.

2.4 Công tác Y tế học đường

- 100% học sinh được khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ
- Phối hợp chặt chẽ với Trạm Y tế phường Mường Thanh để hướng dẫn, triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý trong trường học.

Đảm bảo 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước và của ngành.

- Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; rà soát, bổ sung kịp thời các vật dụng cần thiết theo quy định để bảo đảm an toàn cho học sinh khi học tập tại trường; Kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm trong trường học để thực hiện phương án xử lý theo quy định.

Tổ chức tư vấn và truyền thông về giáo dục sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường; giáo dục dân số, giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng, chống HIV/AIDS.

2.5 Cơ sở vật chất

- Trường có đủ cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, đáp ứng yêu cầu dạy - học 2 buổi/ngày, đổi mới giáo dục và thực hiện Chương trình GDPT năm 2018, từng bước xây dựng CSVC đạt chuẩn theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- CSVC đạt chuẩn mức độ 2 theo qui định hiện hành; phòng tiếng anh đạt chuẩn; thư viện đạt chuẩn tiên tiến.

2.6. Công tác phổ cập giáo dục

- Tỷ lệ chuyên cấp từ Tiểu học lên THCS đạt 100%; Tỷ lệ huy động dân số 11 tuổi vào lớp 6 đạt 98,73 %; Tỷ lệ huy động dân số 11-14 tuổi học THCS đạt 99,67%; Tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt **99,9%**; Không có học sinh bỏ học; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 100%. Tỷ lệ học sinh 15 tuổi vào lớp 10 đạt 90% trở lên. Tỷ lệ HS 15 - 18 tuổi học THPT và tương đương là 90%.

- Phối kết hợp với cấp mầm non, tiểu học duy trì và nâng cao các tiêu chí phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, PCGDTH mức độ 3, PCGD THCS mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

2.7. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục và thẩm định trường chuẩn quốc gia

Tự rà soát, duy trì và giữ vững và nâng cao các tiêu chí theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2.8 Thi đua, khen thưởng

- Tập thể nhà trường
- + Tập thể LĐTT, LĐXS
- + Cờ thi đua UBND tỉnh (nếu có)
- + Bộ GD-ĐT tặng bằng khen
- Cá nhân: CB-GV- NV:
- + 100% LĐTT; CSTĐCS trở lên,
- + 04 Bằng khen của UBND tỉnh, Chính phủ
- + 11 Giấy khen của UBND phường Mừng Thanh
- + Chiến sỹ thi đua: 18
- + Học sinh giỏi, xuất sắc: 60%

- Chi bộ, Đoàn TN, Đội thiếu niên: Hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

III. KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC VÀ KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC/HĐGD.

1. Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình năm học 20254 - 2026

Thực hiện theo Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh: Quyết định Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Cụ thể:

Các hoạt động giáo dục			Thời gian thực hiện
Ngày tựu trường	Khối 9		22/8/2025
	Khối 6,7,8		29/8/2025
Ngày khai giảng			5/9/2025
Học kì 1 (18 tuần)	Ngày bắt đầu	Khối 9	25/08/2025
		Khối 6,7,8	8/9/2025
	Ngày kết thúc	Khối 9	Trước 11/1/2026
		Khối 6,7,8	Trước 18/1/2026
Học kì 2 (17 tuần)	Hoàn thành chương trình và kết thúc năm học	Khối 9	Trước 24/5/2026
		Khối 6,7,8	Trước 31/5/2026
Xét công nhận tốt nghiệp THCS			Trước ngày 15/6/2026
Thi học sinh giỏi cấp Tỉnh			Trước 31/12/2025

Thời gian biểu dạy học 2 buổi /ngày

Tiết/Hoạt động	Thời gian ra, vào lớp		
	Buổi sáng		Buổi chiều
	Mùa đông	Mùa hè	
Hoạt động đầu giờ	7h15- 7h30	7h00 - 7h15	13h50-14h
Tiết 1	7h30- 8h15	7h15 - 8h00	14h-14h45
Nghỉ giữa tiết	8h15- 8h20	8h00-8h05	14h45-14h50
Tiết 2	8h20-9h05	8h05 - 8h50	14h50-15h35

HD giữa giờ	9h05-9h15	8h50-9h05	15h35-15h40
Tiết 3	9h15-10h00	9h05 - 9h50	15h40-16h25
Nghỉ giữa tiết	10h00-10h05	9h50-9h55	
Tiết 4	10h05-10h50	9h55-10h40	
<i>Nghỉ giữa tiết (nếu có) 5 phút</i>			
Ngày có Tiết 5 sáng: Vào học từ 7h15, ra chơi sau mỗi tiết 5 phút, linh hoạt thời gian hoạt động giữa giờ. Kết thúc tiết 5: 11h20			
Lưu ý:	Hoạt động đầu giờ sáng mùa đông thực hiện linh hoạt, trời rét chỉ hoạt động tại chỗ 5 phút, vào hoạt động 7h10 phút. Tùy điều kiện thời tiết điều chỉnh linh hoạt theo quy định.		

Thời khóa biểu dạy 2 buổi/ngày

Thứ		2	3	4	5	6	7
Buổi	Tiết						
Sáng	1	Học chính khóa	Học chính khóa	Học chính khóa	Học chính khóa	Học chính khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Họp cơ quan (1 lần/tháng) - Sinh hoạt chuyên môn (2 lần/tháng) - HĐTN hoặc các hoạt động khác (nếu có)
	2						
	3						
	4						
	5						
Chiều	1	Học chính khóa	Học chính khóa	Học chính khóa	- Học buổi 2 - Dạy bù (nếu có)	- Học buổi 2	
	2						
	3						

2. Kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

2.1 Nội dung dạy học Buổi 1: Học chính khóa sáng và chiều từ thứ 2 đến thứ 4

- Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình GDPT;

- Chương trình giáo dục địa phương: Sử dụng tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Khung kế hoạch phân phối thời gian thực hiện chương trình môn học và hoạt động giáo dục năm học 2025 -2026:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết học từng môn của lớp 6			Số tiết học từng môn của lớp 7			Số tiết học từng Môn của lớp 8			Số tiết học từng môn của lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	Lịch sử và Địa lí	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
3	Ngoại ngữ 1	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	KHTN	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
6	GD công dân	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	35	17	52	35	17	52
8	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
9	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
11	HĐTN, HN 6,7,8	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
12	NDGD địa phương	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Tổng số tiết học/ học kỳ/năm học		522	493	1015	522	493	1015	539	493	1032	539	493	1032
Số tiết học trung bình/tuần (cả năm học)		1015/35 tuần = 29 tiết			1015/35 tuần = 29 tiết			1032/35 tuần = 29,5tiết			1032/35 tuần = 29,5tiết		

2.2 Nội dung dạy học Buổi 2: Chiều thứ 5 và thứ 6

- Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình GDPT; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10;

tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM; giáo dục văn hóa đọc, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, văn hóa, nghệ thuật và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh...

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: học theo nhóm học sinh cùng trình độ, năng lực hoặc theo câu lạc bộ sở thích; hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, nhà đa năng, thư viện, khu vui chơi,

2.2.1 Đối với các môn văn hóa

Học kì	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Bồi dưỡng HSG	10 tuần x 2 tiết/tuần = 20 tiết	10 tuần x 2 tiết/tuần = 20 tiết	10 tuần x 2 tiết/tuần = 20 tiết	15 tuần x 4 tiết/tuần = 60 tiết
	Phụ đạo HS yếu Các môn (nếu có)	5 tuần x 2 tiết/tuần = 10 tiết	5 tuần x 2 tiết/tuần = 10 tiết	5 tuần x 2 tiết/tuần = 10 tiết	5 tuần x 2 tiết/tuần = 10 tiết
	Khác				
	Ôn thi vào lớp 10 (Văn, Toán, Ngoại, KHTN)				10 tuần x 2 tiết/tuần = 20 tiết
2	Phụ đạo HS yếu Các môn (nếu có)	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	8 tuần x 2 tiết = 16 tiết
	Bồi dưỡng HSG (Lớp 9 ôn thi chuyên)	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	8 tuần x 2 tiết/tuần = 16 tiết	17 tuần x 2 tiết /tuần = 34 tiết
	Ôn thi vào lớp 10 các môn chung				17 tuần x 2 tiết = 34 tiết

2.2.2 Đối với các môn năng khiếu/ Nghệ thuật -TDTC (Câu lạc bộ)

Linh hoạt thực hiện, trên cơ sở học sinh đăng ký liên hệ với các Nghệ nhân, nghệ sĩ, văn nghệ sĩ, huấn luyện viên hoạt động linh hoạt theo phụ lục đính kèm.

3. Kế hoạch giáo dục các môn học/hoạt động giáo dục của khối/lớp

3.1 Phụ lục I, II (Kèm theo chi tiết các phụ lục của công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: V/v xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường)

3.2 Cách tổ chức triển khai một số môn học, hoạt động giáo dục

Công văn 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Công văn số 1070/SGDDĐT-GDTrH, ngày 23/4/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học KHTN, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Số 1924/SGDDĐT-GDTrH, ngày 4/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo: Về việc triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

3.2.1 Môn Lịch sử và Địa lí

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử.

Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kỳ phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Phương án thực hiện chương trình môn Lịch sử và Địa lí

Khối 6: Học kỳ 1: 18 tuần = 54 tiết (Lịch sử: 27 tiết; Địa lí: 27 tiết)

Tuần	1- 4	5 - 8	9 - 12	13 - 16	17	18	Tổng số tiết
Lịch sử	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	27
Địa lí	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	27

Học kỳ 2: 17 tuần = 51 tiết (Lịch sử: 26 tiết; Địa lí: 25 tiết)

Tuần	19 - 22	23 - 26	27 - 30	31- 34	35	Tổng số tiết
Lịch sử	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	26
Địa lí	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	25

Khối 7: Học kỳ 1: 18 tuần = 54 tiết (Lịch sử: 27 tiết; Địa lí: 27 tiết)

Tuần	1- 4	5 - 8	9 - 12	13 - 16	17	18	Tổng số tiết
Lịch sử	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	27
Địa lí	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	27

Học kỳ 2: 17 tuần = 51 tiết (Lịch sử: 26 tiết; Địa lí: 25 tiết)

Tuần	19 - 22	23 - 26	27 - 30	31- 34	35	Tổng số tiết
Lịch sử	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	26
Địa lý	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	25

Khối 8. Học kì 1: 18 tuần = 54 tiết (Lịch sử: 27 tiết; Địa lí: 27 tiết).

Tuần	1- 4	5 - 8	9 - 12	13 - 16	17	18	Tổng số tiết
Lịch sử	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	27
Địa lý	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	27

Học kì 2: 17 tuần = 51 tiết (Lịch sử: 26 tiết; Địa lí: 25 tiết)

Tuần	19 - 22	23 - 26	27 - 30	31- 34	35	Tổng số tiết
Lịch sử	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	26
Địa lý	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	25

Khối 9. Học kì 1: 18 tuần = 54 tiết (Lịch sử: 27 tiết; Địa lí: 27 tiết)

Tuần	1- 4	5 - 8	9 - 12	13 - 16	17	18	Tổng số tiết
Lịch sử	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	2 tiết	1 tiết	27
Địa lý	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	1 tiết	2 tiết	27

Học kì 2: 17 tuần = 51 tiết (Lịch sử: 26 tiết; Địa lí: 25 tiết)

Tuần	19 - 22	23 - 26	27 - 30	31- 34	35	Tổng số tiết
Lịch sử	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	26
Địa lý	1 tiết	2 tiết	1 tiết	2 tiết	1 tiết	25

3.2.2 Môn Khoa học tự nhiên

Chương trình môn Khoa học tự nhiên các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, bố trí môn KHTN lớp 6 do 01 giáo viên giảng dạy/lớp, môn KHTN 7,8,9 được bố trí dạy thứ tự lần lượt theo từng chủ đề do giáo viên dạy lý và giáo viên dạy hóa, dạy sinh đảm nhận, giáo viên các phân môn được bố trí xếp thời khoá biểu dạy học đồng thời trong từng học kì, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Cụ thể:

KHỐI	HỌC KỲ	GV dạy LÝ	GV dạy HOÁ	GV dạy SINH
-------------	---------------	------------------	-------------------	--------------------

KHTN 6	Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết			
	Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết			
KHTN 7	Học kỳ I 18 tuần (72 tiết)	LÝ Tuần 1 đến tuần 18: 1 tiết/ tuần (18 tuần x 1 tiết = 18 tiết) Tổng là 18 tiết	HOÁ Từ tuần 1 đến tuần 18: 1 tiết/tuần (18 tuần x 1 tiết = 18 tiết) Tổng là 18 tiết	SINH Tuần 1 đến tuần 18: 2 tiết /tuần (18 tuần x 2 tiết = 36 tiết) Tổng là 36 tiết
	Học kỳ II 17 tuần (68 tiết)	LÝ 2 tiết/tuần (17 tuần x 2 tiết = 34 tiết) Tổng là 34 tiết	HOÁ 1 tiết/tuần (1 tuần x 1 tiết = 17 tiết) Tổng là 17 tiết	SINH 1 tiết /tuần (17 tuần x 1 tiết = 17 tiết) Tổng là 17 tiết
KHTN 8	Học kỳ I 18 tuần (72 tiết)	LÝ Từ tuần 1 đến tuần 9: 2 tiết/tuần (9 tuần x 2 tiết = 18 tiết) Từ tuần 10 đến tuần 18: 1 tiết/tuần (9 tuần x 1 tiết = 9 tiết) Tổng là 27 tiết	HOÁ Từ tuần 1 đến tuần 9: 1 tiết/tuần (9 tuần x 1 tiết = 9 tiết) Từ tuần 10 đến tuần 18: 2 tiết/tuần (9 tuần x 2 tiết = 18 tiết) Tổng là 27 tiết	SINH Tuần 1 đến tuần 18 : 1 tiết/tuần (18 tuần x 1 tiết = 18 tiết) Tổng là 18 tiết
	Học kỳ II 17 tuần (68 tiết)	LÝ Từ tuần 19 đến tuần 35: 1 tiết /tuần (17 tuần x 1 tiết = 17 tiết) Tổng là 17 tiết	HOÁ Từ tuần 19 đến tuần 26: 2 tiết /tuần (8 tuần x 2 tiết = 16 tiết) Từ tuần 27 đến tuần 35: 1 tiết/tuần (9 tuần x 1 tiết = 9 tiết) Tổng là 25 tiết	SINH Từ tuần 19 đến tuần 26: 1 tiết /tuần (8 tuần x 1 tiết = 8 tiết) Từ tuần 27 đến tuần 35: 2 tiết/tuần (9 tuần x 2 tiết = 18 tiết) Tổng là 26 tiết
KHTN 9	Học kỳ I 18 tuần (72 tiết)	LÝ Từ tuần 1 đến tuần 8: 2 tiết/tuần (8 tuần x 2 tiết = 16 tiết) Từ tuần 9 đến tuần 18: 1 tiết/tuần	HOÁ Từ tuần 1 đến tuần 8: 1 tiết/tuần (8 tuần x 1 tiết = 8 tiết) Từ tuần 9 đến tuần 18: 2 tiết/tuần (10 tuần x 2 tiết = 20	SINH 1 tiết /tuần (18 tuần x 1 tiết = 18 tiết)

		(10 tuần x 1 tiết = 10 tiết) Tổng 26 tiết	tiết) Tổng 28 tiết	Tổng: 18 tiết
Học kỳ II 17 tuần (68 tiết)	LÝ Từ tuần 19 đến tuần 27: 1 tiết/tuần (9 tuần x 1 tiết = 9 tiết) Từ tuần 28 đến tuần 35: 2 tiết/tuần (8 tuần x 2 tiết = 16 tiết) Tổng 25 tiết	HOÁ Từ tuần 19 đến tuần 27: 2 tiết/tuần (9 tuần x 2 tiết = 18 tiết) Từ tuần 28 đến tuần 35: 1 tiết/tuần (8 tuần x 1 tiết = 8 tiết) Tổng 26 tiết	SINH 1 tiết /tuần (17 tuần x 1 tiết = 17 tiết) Tổng: 17 tiết	

Trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn, được phép thực hiện linh hoạt số tiết trên tuần đảm bảo kết thúc học kì và năm học theo đúng thời gian quy định trên.

3.3. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, ngoại khoá, câu lạc bộ

3.3.1 Hoạt động giáo dục STEM – NCKHKT

- Hoạt động giáo dục STEM/ Bài học STEM

STT	Tổ/Nhóm chuyên môn	Tên Hoạt động STEM/ Bài học STEM	GV/Nhóm giáo viên	Dạy lớp	Thời điểm thực hiện (tuần)
1	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 2: Nguyên tử	Nhóm Hóa	7	Tuần 5
2	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 16. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển	Nhóm Lý	8	Tuần 5
3	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 31: Hệ vận động ở người (mục IV: Thực hành)	Nhóm Sinh	8	Tuần 5
4	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 10: Sự nóng chảy và sự đông đặc (Làm nén từ mẫu sáp và nén vụn).	Nhóm KHTN	6	Tuần 6
5	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 6: Dự án – trồng rau an toàn. (Em tập làm nông dân)	Nhóm Công nghệ	7	Tuần 11
6	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 4: Dung dịch và nồng độ dung dịch	Nhóm Hoá	8	Tuần 12

		(Mục IV)			
7	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 6: Dự án – bữa ăn kết nối yêu thương: (Bánh trôi ngũ sắc)	Nhóm Công nghệ	6	Tuần 13
8	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 10: Dự án - Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay (Làm phụ kiện cá nhân từ những vật liệu tái chế)	Nhóm Công nghệ	8	Tuần 14
9	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 27: Vi khuẩn với cuộc sống của chúng ta. (Trải nghiệm làm sữa chua)	Nhóm KHTN	6	Tuần 16
10	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 27: Acetic Acid (Mục V. Vận dụng)	Nhóm Hoá	9	Tuần 23
11	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 7: Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt: (Làm sữa chua)	Nhóm Công nghệ	9	Tuần 34
12	Tổ KHTN – Công nghệ	Bài 18: chế tạo nam châm điện	Nhóm Vật Lí	7	Tuần 35
13	Tổ Ngoại ngữ - HĐGD	Hoạt động trong trường học STEM: Tạo hình hoạt động trong nhà trường	Mĩ thuật	6	Tuần 10, tuần 11
14	Tổ Ngoại ngữ - HĐGD	Mĩ thuật hiện đại VN STEM: Tranh cổ động	Mĩ thuật	7	Tuần 25, tuần 26

- Hoạt động trải nghiệm

STT	Tổ/Nhóm chuyên môn	Nội dung/ chủ đề trải nghiệm	GV/Nhóm giáo viên	Dạy lớp	Thời điểm thực hiện (tuần)
1	Tổ Văn- KHXH- GDCD	Hoạt động trải nghiệm tìm hiểu Lịch sử địa phương	Nhóm Sử/GVCN	6,7,8	Tuần 33 (34,35)
2	Tổ Toán - Tin	Chủ đề: Rèn luyện bản thân "Một ngày nhập ngũ "	Hoạt động trải nghiệm	8	Tuần 14
3	Tổ Toán - Tin	Chủ đề: Em với gia đình “Kết nối yêu thương, vun đắp hạnh phúc”	Hoạt động trải nghiệm	6	Tuần 27
4	Chung	Trải nghiệm kỹ năng PCCC và CNCH	Hoạt động trải nghiệm	Toàn trường	Tháng 9

5	Chung	Trải nghiệm: Hoạt động giáo dục đạo đức tri ân thầy cô	Hoạt động trải nghiệm	Toàn trường	Tháng 11
6	Chung	Trải nghiệm: Giáo dục STEM: Công nghệ; KHTN, KHXX...	Hoạt động trải nghiệm	Toàn trường	Tháng 1-2

- Đề tài/dự án nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

Nghiên cứu khoa học của học sinh giúp học sinh củng cố, tổng hợp, nâng cao kiến thức đã học, làm quen với các phương pháp tư duy và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện để học sinh đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề cụ thể mà chuyên môn đặt ra. Nâng cao chất lượng giáo dục, phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ. Vận dụng kiến thức đã học và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề khoa học gắn với thực tiễn.

Trong năm học phấn đấu hướng dẫn học sinh nghiên cứu ít nhất 02 dự án KHKT cấp tỉnh và có sản phẩm dự thi STTTNNĐ.

3.3.2. Công tác tâm lý học đường

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh tại đơn vị theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông; Văn bản số 376/SGDĐT-GDTrH ngày 6/03/2018 và Văn bản số 56/SGDĐT-GDTrH ngày 09/01/2019 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên.

Định hướng giáo dục cho học sinh gặp khó khăn về tâm lý, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập, sinh hoạt... hoặc những khó khăn học sinh, cha mẹ học sinh gặp phải trong quá trình học tập và sinh hoạt. Góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng và ước mơ của mình.

Phòng ngừa, hỗ trợ can thiệp kịp thời, có hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra ; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em.

Hỗ trợ và đưa ra các giải pháp nhằm giúp học sinh rèn kỹ năng sống ; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe, thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Nội dung tư vấn tâm lý học đường tập trung vào các vấn đề sau:

Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.

Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.

Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp.

Tham vấn tâm lý đối với HS gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm, lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

3.3.3. Hoạt động giáo dục hòa nhập người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện nghiêm theo văn bản chỉ đạo các cấp về việc thực hiện giáo dục hòa nhập người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm học 2025-2026. Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập phù hợp với từng dạng tật của trẻ em, học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế trường, lớp, địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT. Điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh khuyết tật theo hướng linh hoạt, hiệu quả.

Tăng cường công tác truyền thông trong cộng đồng, huy động tối đa trẻ em khuyết tật trong độ tuổi mầm non, phổ thông ra lớp và thực hiện giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục; giảm thiểu sự phân biệt, kỳ thị đối với trẻ khuyết tật. Huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân thiện nguyện hỗ trợ các điều kiện để trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục.

3.3.4. Hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị và công tác học sinh

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở, về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh năm học 2025-2026. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong nhà trường; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hoá học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hoá học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về đẩy mạnh phát triển toàn diện Giáo dục và Đào tạo gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, đưa nội dung của kế hoạch lồng ghép và nội dung giảng dạy một số môn học và hoạt động giáo

dục tập thể của nhà trường. Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, giáo dục ý thức tự hào, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc

3.3.5 Tổ chức các hoạt động tập thể, ngoại khóa, câu lạc bộ

- Hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa:

Tham quan tại các di tích lịch sử trên địa bàn. Tham gia các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài lớp học, tại gia đình, ngoài xã hội cộng đồng.

Kế hoạch thực hiện : *(Phụ lục II kèm theo)*

- Hoạt động các câu lạc bộ: Tiếng anh- Văn nghệ - thể dục thể thao: Tổ chức thực hiện trong kế hoạch dạy học buổi 2

+ Tham gia các môn thể thao trong Hội thao truyền thống ngành giáo dục

+ Tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp trường

+ Giao lưu câu lạc bộ tiếng anh

- Phân công phụ trách các hoạt động văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ:

+ Văn hóa, văn nghệ: Đ/c Vũ Lan, Hưng, Viên

+ Thể dục, thể thao: Các môn thể dục, thể thao, bóng rổ, bóng đá, bóng chuyền: Đ/c Nguyễn Xuân Duy, Lò Thị Viên phụ trách; bóng bàn, cầu lông: Đ/c Nguyễn Văn Hạnh, Bùi Lan.

+ Câu lạc bộ Tiếng Anh: Đ/c Nguyễn Hải Lê, Lê Thị Tình

+ Câu lạc bộ mỹ thuật: Đ/c Tống Yến

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và các chủ điểm hàng tháng lên giáo viên tổng phụ trách đội phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm, giáo viên môn học xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tuyên truyền, giáo dục học sinh: giá trị sống và kỹ năng sống, giáo dục thực hành pháp luật,...; tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường nhằm phát triển năng khiếu cá nhân, kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng.

Thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục.

3.3.6. Dạy học tích hợp năng lực số, an ninh quốc phòng, kĩ năng ứng phó với BĐKH và PCTT trong các môn học và hoạt động giáo dục

- Triển khai và tổ chức thực hiện Khung năng lực số cho học sinh dựa trên Khung NLS cho người học ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/1/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định khung năng lực số cho người học trong môn Tin học và các môn học và hoạt động giáo dục. Dạy học tích hợp an ninh quốc phòng theo Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo: Thông tư hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học. Dạy

học tích hợp rèn kỹ năng kỹ năng ứng phó với BĐKH và PCTT trong các môn học và hoạt động giáo dục.

Việc dạy học tích hợp đảm bảo yêu cầu phù hợp và thực tiễn, không gây quá tải cho Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Quá trình thực hiện cần đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng môn học và hoạt động giáo dục để lồng ghép các nội dung cho từng đối tượng một cách hợp lý. Nội dung và hoạt động được thiết kế phù hợp với tâm lý lứa tuổi, nhu cầu và khả năng tiếp cận của học sinh ở từng khối học, bài học. Tối ưu hóa nguồn lực phát huy tối cơ sở vật chất sẵn có, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả. Tạo môi trường để học sinh vận dụng kỹ năng đã học vào thực tiễn, qua đó củng cố và phát triển năng lực một cách toàn diện.

3.4. Kế hoạch tổ chức dạy thêm học thêm

Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

Nhà trường chỉ tổ chức dạy thêm học thêm đối với khối 9 khi chưa thực hiện 2 buổi/ngày. Kế hoạch dạy thêm học thêm được lồng ghép vào kế hoạch dạy buổi 2.

3.5. Các hoạt động khác: (Có phụ lục kèm theo)

4. Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện, bảo đảm khả thi, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục

4.1 Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực các cấp ủy đảng, chính quyền chỉ đạo chủ trương, quyết sách; các ban ngành đoàn thể tuyên truyền vận động nhân dân tham gia xã hội hóa giáo dục; hội phụ huynh phối hợp nhà trường giáo dục học sinh; cán bộ - giáo viên - nhân viên trong nhà trường phục vụ tốt các hoạt động; Cộng đồng theo chức năng nhiệm vụ tham gia.

Nguồn nhân lực tham gia thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục: Bố trí phân công giáo viên, nhân viên phù hợp về chuyên môn được đào tạo, đảm bảo định mức giờ dạy, khối lượng công việc theo quy định; cân đối về khối lượng công việc giữa các giáo viên; phân công công việc và trách nhiệm rõ ràng cụ thể, tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm về công việc của tổ mình trước BGH nhà trường.

(Có quyết định phân công nhiệm vụ kèm theo)

- Để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, cần phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong, ngoài nhà trường, cơ quan, tổ chức có chức năng, cộng đồng xã hội tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Huy động các nhóm nhân lực có chuyên môn, nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường.

4.2 Nguồn cơ sở vật chất

- Rà soát, lập phương án tham mưu với UBND phường Mường Thanh đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, khối phòng học tập, nhà đa năng, thư viện, sân chơi, bãi tập, khu vực hoạt động ngoài trời,... theo quy định hiện hành phục vụ cho hoạt động dạy học, giáo dục nhà trường đạt hiệu quả;

- Duy trì mối quan hệ với công ty Him Lam, làm tốt công tác xã hội hóa để tiếp tục nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ, sử dụng bảo quản, phát huy tối ưu cơ sở vật chất

4.3 Tài chính

- Huy động nguồn lực tài chính ngân sách nhà nước, kinh phí xã hội hóa, rà soát lập dự toán kinh phí để tổ chức các hoạt động giáo dục (*có phụ lục kèm theo*).

- Sử dụng các nguồn kinh phí được giao đúng, hiệu quả kinh phí chi cho việc thực hiện dạy học 2 buổi/ngày;

(Có biểu kế hoạch vận động tài trợ kèm theo)

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo tăng cường giáo dục toàn diện cho học sinh. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho học sinh và cán bộ giáo viên, nhân viên. Đổi mới công tác quản lý theo hướng tự chủ, linh hoạt.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục, huy động, thu hút nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Phối hợp tốt và huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường;

Tăng cường công tác khuyến học, khuyến tài. Phát huy vai trò các tổ chức đoàn thể, tổ chức hội, các hội đồng trong và ngoài nhà trường. Làm tốt công tác truyền thông giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng`

Triển khai kế hoạch giáo dục tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong ngoài nhà trường, cộng đồng làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực thực hiện Kế hoạch giáo dục.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch giáo dục. Báo cáo giải trình cấp trên.

Chỉ đạo trực tiếp kế hoạch dạy học tổ Văn - KHXH- GDCD

2. Phó Hiệu trưởng Hà Thị Liên

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025- 2026.

Chỉ đạo Xây dựng thời khóa biểu thực hiện Kế hoạch giáo dục đã đề ra.

Xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên đề cấp trường, cụm trường. Phê duyệt kế hoạch và chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện công tác Sinh hoạt chuyên môn cụm 01 Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn cũng như giáo viên, công tác tự bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng chuyên môn của tổ, cụm trường.

Chỉ đạo xây dựng quy chế chuyên môn; sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử trong năm học. Xây dựng ngân hàng bài giảng điện tử dùng chung, ngân hàng đề. Kiểm tra giám sát tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế chuyên môn, quy định sử dụng hồ sơ điện tử góp phần hoàn thành kế hoạch giáo dục nhà trường.

Chủ trì tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh, giáo viên.

Đánh giá, báo cáo định kỳ cũng như các vấn đề phát sinh với Hiệu trưởng và cấp trên trong Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025- 2026.

Trực ca sáng. Chỉ đạo trực tiếp Kế hoạch giáo dục tại tổ chuyên môn Toán- Tin; Khoa học tự nhiên - Công nghệ

Phụ trách công tác thống kê.

Công tác học sinh- giáo viên, giáo dục pháp luật.

Giáo dục công nghệ số

3. Phó Hiệu trưởng Nguyễn Mạnh Thắng

Chịu trách nhiệm và đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học.

Chịu trách nhiệm về CSVC, trang thiết bị dạy học, môi trường, cảnh quan, đặc biệt chịu trách nhiệm an toàn trường học và phòng chống cháy nổ

Trực tiếp chỉ đạo ban công nghệ thông tin, an toàn truyền thông của trường thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số trong trường học, tham gia xây dựng các quy chế thực hiện sử dụng hồ sơ điện tử trong nhà trường.

Cùng với hiệu phó chuyên môn trực chuyên môn, theo dõi việc thực hiện kế hoạch học 2 buổi/ngày theo dõi nề nếp của giáo viên, học sinh, chấm công theo kế hoạch dạy thêm học thêm buổi 2 hợp lý, khoa học. Trực ca chiều.

Chỉ đạo trực tiếp kế hoạch dạy học nhóm ngoại ngữ, văn phòng, công tác phòng trào; Xây dựng kế hoạch, báo cáo các nội dung chuyên đề khác do Hiệu trưởng phân công.

Công tác bảo mật, chuyển đổi số

4. Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng

Tổ chức thực hiện KHGD nhà trường năm học 2025- 2026 của tổ chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn thực hiện công tác Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, giải quyết khó khăn vướng mắc trong thực hiện kế hoạch giáo dục năm học 2025- 2026.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên việc thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn cũng như giáo viên, công tác tự bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng chuyên môn của tổ, cụm chuyên môn.

Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế chuyên môn, quy chế sử dụng hồ sơ điện tử trên phần mềm VnEdu tại tổ mình góp phần hoàn thành KHGD nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch giáo dục của tổ trước BGH.

Tham mưu tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh, giáo viên của tổ mình.

Báo cáo định kỳ cũng như các vấn đề phát sinh với Ban giám hiệu về thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025- 2026 của tổ.

Chịu trách nhiệm công tác an toàn trường học, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, thực hiện pháp luật của GV- HS.

Tổ văn phòng chỉ đạo thực hiện các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tổng phụ trách đội – Bí thư đoàn thanh niên

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Phối hợp GVCN để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm dưới cờ, giáo dục tích hợp rèn kỹ năng sống, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên.

Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục khác tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội, trọng tâm là các hoạt động rèn kỹ năng sống cho học sinh, hoạt động đầu giờ, công tác vệ sinh, an toàn trường học, rèn kỹ năng tự quản; giáo dục pháp luật cho đội viên, TTN...

6. Giáo viên chủ nhiệm

Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Xây dựng KHGD chủ nhiệm, thời khóa biểu cụ thể cho lớp mình quản lí.

Phối hợp với tổng phụ trách đội, các tổ chức đoàn thể, cha mẹ học sinh, giáo viên bộ môn tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục theo kế hoạch...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học. Đánh giá học sinh lớp chủ nhiệm.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

Chịu trách nhiệm công tác an toàn trường học, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, giáo dục pháp luật cũng như các vấn đề học sinh lớp chủ nhiệm.

7. Giáo viên phụ trách môn học, nhân viên

7.1 Giáo viên

Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên.

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học;

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn. Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn

trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp. Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương. Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh. Đổi mới phương pháp dạy học; Quy chế thực hiện sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lí, giáo dục học sinh....Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn.

Chịu trách nhiệm công tác an toàn trường học, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, dịch bệnh cũng như các vấn đề học sinh lớp dạy.

7.2 Giáo viên kiêm công tác thư viện:

Tham mưu xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác thư viện, các nội dung công tác thư viện. Quản lý hồ sơ thư viện. Phát triển phong trào đọc trong nhà trường, các hoạt động thư viện.

Phòng cháy chữa cháy, ATTH phòng thư viện và khu vực hành lang phòng thư viện.

7.3 Nhân viên thiết bị:

Quản lý thiết bị dạy học, phòng học bộ môn; chịu trách nhiệm an toàn trường học. Tham mưu xây dựng kế hoạch bổ sung mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định của bộ giáo dục; tham mưu kế hoạch sử dụng; theo dõi việc sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học hiệu quả. Quản lý hồ sơ thiết bị nhà trường, phần mềm quản lý thiết bị. Tham gia kiểm tra, kiểm kê định kỳ hàng năm. Bảo quản và bảo trì thường xuyên thiết bị dạy học.

7.4 Nhân viên y tế:

Xây dựng kế hoạch đề chủ động, linh hoạt thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích trong nhà trường.

Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe học sinh, thực hiện các nhiệm vụ của công tác y tế trường học theo các văn bản hướng dẫn của Sở, Phòng giáo dục

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, đội thiếu niên, đoàn thanh niên tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”; Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường.

8. Ban đại diện hội cha mẹ học sinh

Tuyên truyền Kế hoạch giáo dục đến phụ huynh học sinh.

Phối hợp nhà trường giáo dục đạo đức học sinh, giáo dục pháp luật phụ huynh và học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

Phụ huynh chịu trách nhiệm về an toàn phòng chống tai nạn thương tích, chấp hành pháp luật và các vấn đề khác của của học sinh ngoài thời gian ở trường.

9. Kế hoạch tháng

(Kèm theo phụ lục kế hoạch tháng)

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 của trường THCS Him Lam. Đề nghị CB-GV-NV thực hiện nghiêm túc trong quá trình thực hiện có gì chưa rõ đề nghị phản ánh về BGH để được hướng dẫn./

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH Sở GD (b/c);
- Phòng VH-XH phường (b/c);
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, CM./.

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Đại